TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11-01-2021
V/v ly hôn giữa bà T và ông L.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Công Ny.
2. Bà Đỗ Thị Lệ Hằng.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Hồ Giúp Đở – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.T

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 514/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về *việc"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 797/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 265/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. <u>Nguyên đơn</u>: Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm xxxx (có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: Số 146J khu vực x, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. <u>Bị đơn</u>: Ông **Lê Hoàng L**, sinh năm xxxx (vắng mặt).
Địa chỉ: Số 146J khu vực x, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày*:

Bà và ông L tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ vào ngày 04-3-2003. Qúa trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, đời sống chung không hạnh phúc, ông bà đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà muốn ly hôn với ông L.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lê Minh T1 (nam) sinh ngày xxxxxx, đã trưởng thành; Lê Hoàng T2 (nam) sinh ngày xxxxxx và Lê Nhật T3 (nam) sinh ngày xxxxxx. Khi ly hôn, bà yêu cầu giao con chung Hoàng T2, Nhật T3 cho ông L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có.

* Bị đơn ông Lê Hoàng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến tòa nên không thể ghi nhận ý kiến của ông L được.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 28 về thẩm quyền giải quyết vụ án; Điều 68 về tư cách tham gia tố tụng; Điều 195, Điều 196 về trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự. Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 48, Điều 49 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng các quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Lê Hoàng L tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc nhưng, sau đó vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không hạnh phúc và đã ly thân từ năm 2017 đến nay, bà xin được ly hôn với ông Lê Hoàng L. Về phía ông L mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi tòa án nên xem như ông

L đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Việc ông L luôn vắng mặt còn thể hiện ông L không còn tha thiết để kéo dài mối quan hệ hôn nhân với bà T nữa. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa bà T và ông L đã không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận. Về con chung: Ông bà có 03 con chung, Lê Minh T1 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Đối với 02 cháu Lê Hoàng T2 (nam) sinh ngày xxxxxx; Lê Nhật T3 (nam) sinh ngày xxxxxx hiện nay các cháu Lê Hoàng T2 và Lê Nhật T3 đang sống cùng với cha là ông Lê Hoàng L tại địa chỉ số 146J, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ do đó việc bà T yêu cầu giao 02 cháu cho ông L nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con: bà T xin không cấp dưỡng nuôi con, hiện nay ông L cũng không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.Về tài sản chung, nợ chung: bà T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều nhận định:

[1] *Về thủ tục*: Bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông Lê Hoàng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bà T, ông L là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án*: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 20-8-2020, bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Hoàng L, do đó xác định đây là loại kiện "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do ông L có địa chỉ tại quận Ninh Kiều nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông L tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số I/2003 vào ngày 04-3-2003 nên được xem đây là hôn nhân hợp pháp. Qúa trình chung sống, bà T cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng có công văn để xác minh về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn, việc

chăm sóc, nuôi dạy cháu Hoàng T2, cháu Nhật T3 tại địa phương. Qua kết quả xác minh ngày 12-11-2020 của UBND phường An Khánh thì cháu Hoàng T2, cháu Nhật T3 đang sống cùng ông L tại địa chỉ 146J, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Hội đồng xét xử xét thấy, ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông L không đến điều đó chứng tỏ ông L không tha thiết đoàn tụ, ông bà đã có thời gian sống ly thân, mâu thuẫn giữa bà T và ông L đã thực sự trầm trọng, thiết nghĩ một bên đã không còn tha thiết gì với cuộc hôn nhân này và đã khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về nuôi con chung: Bà T và ông L có 03 con chung tên Lê Minh T1 (nam) sinh ngày xxxxxxx, đã trưởng thành; Lê Hoàng T2 (nam) sinh ngày xxxxxx và Lê Nhật T3 (nam) sinh ngày xxxxxx. Bà T có mong muốn giao 02 con chung Hoàng T2 và Nhật T3 cho ông L nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, qua xác minh tại địa phương thể hiện 02 cháu Hoàng T2 và Nhật T3 hiện tại đang sống cùng ông L, do đó để tránh làm xáo trộn đời sống tinh thần của cháu Hoàng T2, Nhật T3 nên giao 02 cháu cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu không cấp dưỡng và do ông L vắng mặt nên không thể ghi nhận ý kiến của ông L về vấn đề cấp dưỡng nên Tòa án không đặt ra xem xét. Tuy nhiên, vì lợi ích mọi mặt của cháu Hoàng T2, Nhật T3 các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có và do xét xử vắng mặt ông L nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[4] Xét trình bày của Viện kiểm sát là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Lê Hoàng L.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung Lê Hoàng T2 (nam) sinh ngày xxxxxx và Lê Nhật T3 (nam) sinh ngày xxxxxxx cho ông Lê Hoàng L trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà T không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của cháu Hoàng T2, Nhật T3 các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai thu số 003043 ngày 10-9-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, bà T không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND TP. Cần Thơ;*
- *VKSND Q.Ninh Kiều;*
- *Chi cục THADS Q.Ninh Kiều;*
- *UBND p. An Hòa;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Nguyễn Thị Kim Phượng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND Q. Ninh Kiều;*
- *Chi cục THADS Q. Ninh Kiều;*
- *UBND phường An Thới;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Tuyết Phương